

Bản án số: 68/2026/HS-ST  
Ngày: 09-6-2026

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Xuân Thọ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Bình

Ông Phạm Đức Phi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T.** Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày: 05/9/1987. Căn cước công dân số: 036087009588; Nơi sinh: xã N, tỉnh Ninh Bình. Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn F, xã N, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Đảng, Đ: không. Nghề nghiệp: lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Trần Đình B, sinh năm 1958 và bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1963, hiện đang sinh sống tại thôn F, xã N, tỉnh Ninh Bình. Gia đình bị cáo có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ 2. Vợ: Đinh Thị H, sinh năm 1989 (đã ly hôn). Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2019 (cả 03 con đều sinh sống cùng T, T là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo Trần Văn T bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2026, đến ngày 08/5/2026 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng bảo lãnh đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đoàn Quốc V, sinh ngày 05/12/1984; Nơi cư trú: Số B T, phường H, thành phố Hà Nội.

*(Tại phiên tòa vắng mặt ông Đoàn Quốc V).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 05 phút ngày 14/12/2025, Trần Văn T, sinh năm 1987, trú tại thôn F, xã N, tỉnh Ninh Bình ăn cỗ, uống rượu tại đám cưới nhà ông Trần Văn T2 ở cùng thôn xong thì đi về nhà. Trên đường đi về, T tiếp tục vào ăn cỗ khánh thành từ đường họ Đ (họ của mẹ T) tại nhà bà Đoàn Thị Đ1, sinh năm 1973, ở cùng thôn F, xã N. Quá trình ăn uống, T có mâu thuẫn và chửi bới một số người họ Đ. Khi bỏ ra ngoài, T đứng ở đầu ngõ tiếp tục chửi đồng “Đ.M chúng mày, ra đây tao giết; Đ.M chúng mày...”. Lúc này, anh Đoàn Văn H1, sinh năm 1974, trú tại thôn F, xã N (cậu họ T) ra khuyên can T về nhưng T không nghe, anh H1 về nhà và gọi cho mẹ T là bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1963 để ra khuyên can T nhưng không được. Sau đó anh H1 nhờ ông Đoàn Văn C, sinh năm 1962 (là cậu họ T, sinh sống ở xã Đ, thành phố Hà Nội) ra can ngăn T, ông C khuyên can nhưng T vẫn không nghe nên ông C quay về đi Hà Nội. Còn T chạy về nhà mình, vào bếp lấy 02 con dao lưỡi dao bằng kim loại sáng màu, cán bằng gỗ quay lại tìm ông C và tiếp tục chửi ông C. Lúc này, T thấy chiếc xe ô tô biển số 30K-679.60 nhãn hiệu Hyundai Santafe của ông Đoàn Quốc V, sinh năm 1984, trú tại B T, phường H, thành phố Hà Nội (là anh họ của T) đang đỗ ở trục đường X thôn F, xã N, nên T đã nhặt một viên gạch bi xi măng ở ven đường và ném vào đuôi xe làm móp méo, xước phần đuôi xe (ngay gần vị trí logo xe) và vỡ nhựa cản gạt nước phía sau xe và tiếp tục quay lại chửi ông C. Đến khoảng 12 giờ 58 phút cùng ngày, sau khi nhận được tin báo, tổ công tác Công an xã N đến hiện trường, cùng ông Bùi Xuân K, sinh năm 1959 là Trưởng thôn 6, xã N và ông Trần Văn T3, sinh năm 1984 là Bí thư thôn F, xã N thuyết phục, yêu cầu T chấm dứt hành vi nêu trên và yêu cầu T về trụ sở Công an xã N để làm việc, tuy nhiên do đã uống rượu say nên T đi về nhà ngủ. Đến ngày 15/12/2025, T đã đến Công an xã N làm việc, khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Vật chứng, đồ vật, dữ liệu điện tử Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N thu giữ:

+ Trích xuất, lưu trữ 07 đoạn dữ liệu video từ camera an ninh nhà anh Trần Văn T3, sinh năm 1984 và anh Đoàn Tất H2, sinh năm 1993, đều ở thôn F, xã N ghi lại nội dung vụ án, được lưu trong 01 USB niêm phong trong phong bì thư theo quy định.

\* Tại Bản kết luận giám định số 401/KL-KTHS ngày 22/01/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh N, kết luận: không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh đối với 07 đoạn dữ liệu video nêu trên. Trích xuất ra 16 ảnh trong 03 tập tin video ký hiệu A1, B1, C gửi giám định.

\* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS, ngày 07/4/2026, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã N, kết luận:

+ Phần vỏ bên ngoài của cốp xe bị móp, xước sơn tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trị trên thị trường là 400.000 đồng.

+ Vỏ nhựa cần gạt nước thay mới tại thời điểm xảy ra sự việc có giá trị trên thị trường là 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị thiệt hại của xe ô tô biển số 30K-67960 nhãn hiệu Santafe tại thời điểm xảy ra vụ việc là 500.000 đồng.

Ngày 15/12/2025, Công an xã N có công văn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân xã N về việc xác định mức độ ảnh hưởng hành vi của Trần Văn T đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Ngày 03/02/2026 Ủy ban nhân dân xã N có Công văn số 91/UBND phúc đáp xác định hành vi của Trần Văn T đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Cáo trạng số: 19/CT-VKS-KV9 ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Trần Văn T tự nguyện đã bồi thường cho ông Đoàn Quốc V số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí sửa chữa xe ô tô, ông V đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - N: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận bồi thường xong, không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng; các Bản kết luận giám định của Phòng K1 Công an tỉnh N, Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS, ngày 07/4/2026, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã N và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ ngày 14/12/2025, tại trục đường dọc xóm trước cổng từ đường họ Đoàn, ở thôn F, xã N, tỉnh Ninh Bình, Trần Văn T có hành vi chửi bới, cầm 02 con dao đi dọc trục đường xóm, dùng gạch bi phá phách tài sản của người khác gây thiệt hại tài sản trị giá 500.000 đồng. T thực hiện hành vi tại nơi công cộng, có nhiều người dân chứng kiến, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại thôn F, xã N. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh, quy tắc sống của xã hội, đã gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, phải xử lý nghiêm bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh tuyên truyền phòng ngừa chung.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo đã ly hôn vợ và đang nuôi ba con nhỏ đang còn đi học. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Xét hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã chủ động tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hành vi phạm tội tác động trong phạm vi hẹp. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự như quan điểm đề xuất của Viện kiểm sát là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 con dao Trần Văn T dùng để gây rối trật tự công cộng, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả, vì vậy không thể thực hiện việc giám định đối với 02 con dao này.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T **24 (hai mươi tư) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **48 (bốn mươi tám) tháng** được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 09/6/2026 (bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2026 đến ngày 08/5/2026).

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa

án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Căn cứ Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019, bị cáo Trần Văn T không được xuất cảnh trong thời gian thử thách án treo.

Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” đang được áp dụng đối với bị cáo Trần Văn T.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh+khu vực;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Công an xã Nam Trực;
- UBND xã Nam Trực;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Xuân Thọ**